

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

DƯƠNG TẮT THÀNH

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ BIẾN ĐỔI
CÁC KHU TẬP THỂ Ở HÀ NỘI
TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 2000

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam
Mã số: 9229010.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Hà Nội, 2023

Công trình được hoàn thành tại

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc
gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

GS.TS. Hoàng Anh Tuấn, TS. Hoàng Thị Hồng Nga

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Các nghiên cứu liên ngành, đa ngành dựa trên nhiều lĩnh vực khác nhau về vấn đề nhà ở của các nhà khoa học là cơ sở để đánh giá vấn đề, đánh giá tổng thể, bối cảnh, thực trạng để có những sự tư vấn, góp ý hay chỉ ra những vấn đề cần phải điều chỉnh hay phương hướng để thay đổi phù hợp với sự phát triển chung của xã hội, đáp ứng được nhu cầu của con người.

Hà Nội là một đô thị có quá trình hình thành và phát triển khá độc đáo, là biểu tượng tiêu biểu cho sự chuyển giao văn hóa từ nền tảng văn hóa dân tộc và thích ứng với những chuyển biến của lịch sử xã hội ở từng thời kỳ khác nhau. Khu tập thể là một cụm từ quen thuộc đối với mỗi người dân Hà Nội về những năm bao cấp, đặc biệt hơn còn là những kỉ niệm khó phai, là một phần cuộc đời nhiều gia đình cán bộ, công chức; là cụm từ để chỉ một loại “*không gian sống*”, một dạng “*mô hình sống*” thành cộng đồng gắn bó của người dân Hà Nội những năm trước đổi mới (sau này các cụm từ như “*chung cư*” hoặc “*cư xá*” đã được sử dụng dần thay thế cho tên gọi “*tập thể*”). Sau 1954, vấn đề nhà ở đã nhanh chóng được nhà nước Việt Nam quan tâm nhằm thực hiện những chủ trương, chính sách ưu việt của cách mạng. Có thể nói, nhà tập thể Hà Nội như là một nét đặc trưng của Thủ đô Hà Nội trong suốt hàng thập kỷ. Bởi vậy nghiên cứu về các khu tập thể ở Hà Nội thời kỳ này cũng cung cấp những nhận thức lịch sử nhằm làm sáng tỏ thêm về quá trình hình phát, phát triển và vai trò, dấu ấn của các khu tập thể được xây dựng trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội diễn ra sau năm 1954 ở miền Bắc.

Cùng với sự phát triển của đất nước, đã đến lúc đất nước nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng, phải giải quyết các vấn đề của nhà tập thể đang đặt ra. Trải qua thời gian, các khu tập thể ở Hà Nội - biểu hiện của tính hiện đại của chủ nghĩa xã hội đang xuống cấp. Bài toán

đặt ra với chính quyền và nhân dân Thủ đô hiện nay là nên cải tạo/nâng cấp/phá dỡ và xây mới những công trình mang tính biểu tượng này như thế nào là một vấn đề cấp thiết. Cải tạo các khu tập thể cần nghiên cứu nó ở góc độ văn hóa và lịch sử để gắn kết nó với tương lai, không nhất thiết phải xây dựng lại hết các khu tập thể. Điều đó chỉ có thể thực hiện được dựa trên những nghiên cứu về văn hóa, lịch sử, đô thị - kiến trúc, nhân học... nghiêm túc, cẩn trọng để tạo ra không gian sống tốt nhất cho người dân. Do đó nghiên cứu về lịch sử, giá trị xã hội, giá trị văn hóa của các khu tập thể có ý nghĩa hướng tới đúc rút ra một số kinh nghiệm có thể có giá trị tham khảo cho công tác bảo tồn các khu tập thể này làm chứng tích cho một thời kỳ lịch sử đặc biệt của đất nước, và cho một di sản văn hóa về lối sống tập thể rất đặc biệt ở đây.

Xuất phát từ những lý do khoa học và thực tiễn đó, tôi quyết định chọn đề tài *“Quá trình hình thành và biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội từ năm 1954 đến năm 2000”* làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Từ góc độ lịch sử, luận án phục dựng bức tranh về sự hình thành và biến đổi của các khu tập thể cũ ở Hà Nội từ năm 1954 đến năm 2000. Đồng thời luận án hướng tới việc làm rõ sự vận động của các khu tập thể ở Hà Nội thông qua hai phân đoạn: từ năm 1956 đến năm 1985 và từ năm 1986 đến năm 2000. Từ đó phân tích một số đặc điểm nổi bật về lối sống xã hội, văn hóa, giá trị lịch sử cũng như đúc kết một số kinh nghiệm về quản lý đô thị cũng như quản lý di sản đô thị.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Khái quát những yếu tố tác động đến quá trình hình thành và biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội từ 1954 đến 2000 như bối cảnh lịch sử; chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước về xây

dựng đô thị Hà Nội và một số yếu tố khác trong trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến năm 2000.

- Tổng hợp nguồn tư liệu để phục dựng bức tranh lịch sử về quá trình hình thành và biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội trên phương diện quy hoạch, kiến trúc và phương diện xã hội thông qua hai giai đoạn từ năm 1954 đến 1985 và từ 1986 đến 2000.

- Phân tích những yếu tố về văn hóa, xã hội, lịch sử gắn liền với quá trình hình thành và biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội từ năm 1954 đến năm 2000.

- Đúc rút những kinh nghiệm lịch sử về quản lý, tổ chức cũng như bảo tồn các giá trị liên quan đến các khu tập thể ở Hà Nội có thể áp dụng trong quản lý đô thị Hà Nội trong hiện tại.

3. Đối tượng nghiên cứu và những khái niệm liên quan

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các khu tập thể nằm trong các tiểu khu nhà ở được xây dựng từ năm 1954 tới trước năm 2000 thông qua các khía cạnh về chính sách, quy hoạch, lịch sử, văn hóa và xã hội.

Liên quan tới đối tượng nghiên cứu của đề tài, cần làm rõ một số khái niệm liên quan như sau:

3.1. Đơn vị ở

Đơn vị ở là một cụm từ được sử dụng trong lĩnh vực đô thị học nói chung. Đơn vị ở là khái niệm trong quy hoạch xây dựng về khu chức năng cơ bản của đô thị, chủ yếu phục vụ nhu cầu ở bao gồm: các nhóm nhà ở; các công trình dịch vụ, công cộng; cây xanh công cộng phục vụ cho nhu cầu thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư; đường giao thông (đường từ cấp phân khu vực đến đường nhóm nhà ở) và bãi đỗ xe cho đơn vị ở.

Loại hình nhà tập thể là một trong các dạng tổ chức nhà ở trong đơn vị ở.

3.2. Khu tập thể

Khu tập thể mang hàm nghĩa bao rộng gồm nhiều nhà tập thể ở bên trong. Tại mỗi khu không chỉ có những dãy nhà mà còn đó các

công trình công cộng phục vụ cho cuộc sống của cư dân như cửa hàng tạp hóa, trường học, vườn hoa, sân chơi...

4. Phạm vi nghiên cứu:

+ Giới hạn về nội dung

Không gian: Địa giới hành chính của Hà Nội trong giai đoạn từ sau 1954 đến năm 2000; không gian chính của các tiểu khu nhà ở, các khu nhà tập thể ở thành phố Hà Nội.

+ Giới hạn thời gian: Từ sau năm 1954 đến năm 2000.

Mốc mở đầu là năm 1954 được lựa chọn vì trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam đây là mốc kết thúc của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong thời gian này, thành phố Hà Nội đã bắt đầu thử nghiệm mô hình sống theo dạng “tập thể”, sau đó bắt đầu triển khai xây dựng các khu nhà ở một tầng - nền móng cho phát triển thành các khu nhà tập thể với quy mô lớn hơn ở giai đoạn sau khu An Dương, Phúc Xá, Mai Hương, Đại La...

Năm 2000 là mốc kết thúc của nghiên cứu đề tài luận án dựa vào sự kiện ngày 19/01/2000, UBND Thành phố Hà Nội ra Quyết định số 05/2000/QĐ-UB về *Ban hành điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch chi tiết khu dịch vụ tổng hợp nhà ở hồ Linh Đàm tỷ lệ 1/500*. Ngày 28/04/2000 là ngày khởi công xây dựng khu đô thị Linh Đàm. Đây là khu đô thị kiểu mẫu đầu tiên ở Hà Nội và thứ hai ở Việt Nam (sau khu Phú Mỹ Hưng) do vậy mốc thời gian năm 2000 với sự xuất hiện của loại hình khu nhà ở hiện đại mới.

5. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

5.1. Nguồn tư liệu

Nguồn tư liệu để tiếp cận các vấn đề về nhà tập thể khá đa dạng và phong phú. Có thể chia các loại tư liệu để phục vụ cho luận án này thành 2 dạng: Tư liệu gốc và các tư liệu khác.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án là một đề tài thuộc chuyên ngành Lịch sử Việt Nam do vậy phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử được sử dụng với vai trò phương pháp nghiên cứu chủ đạo, xem xét và trình bày quá trình phát triển, biến đổi của khu tập thể ở Hà Nội qua những yếu tố như kiến trúc, quy hoạch, văn hóa đời sống... và được trình bày theo một trình tự thời gian, đưa ra góc nhìn tiếp cận đa dạng và làm rõ mối liên hệ giữa các đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp logic được sử dụng như một phương pháp xem xét, nghiên cứu các sự kiện liên quan trực tiếp đến các khu tập thể để chỉ ra bản chất, quy luật vận động phát triển trong lịch sử. Khác với phương pháp lịch sử, phương pháp logic không đi sâu vào toàn bộ diễn biến mà chỉ khai thác những vấn đề cốt lõi, có tính liên kết với nhau. Từ những vấn đề cụ thể có thể suy luận ra các vấn đề liên quan một cách hợp lý.

Phương pháp phân tích so sánh được sử dụng khi có một cơ sở số liệu đầy đủ, từ những con số, bảng biểu liên quan đến các vấn đề về nhà ở, khu tập thể có thể đánh giá một cách khoa học về toàn cảnh xã hội, giúp đưa ra những phán đoán, nhận xét để từ đó có thể làm rõ và phân tích.

Phương pháp phân kì lịch sử trong luận án được sử dụng để chia cụ thể các giai đoạn phát triển của nhà tập thể ở Hà Nội qua một trục thời gian xuyên suốt với việc lấy mốc bắt đầu từ năm 1954 qua sự xuất hiện của khu nhà thử nghiệm mô hình nhà tập thể đầu tiên cho đến năm 2000 khi thuật ngữ nhà tập thể không được sử dụng nữa mà thay vào đó là một hệ thống khu đô thị, nhà chung cư được sử dụng thay thế với sự xuất hiện cụ thể của khu đô thị Linh Đàm.

Ngoài những phương pháp gắn chủ yếu và gắn với ngành nghiên cứu lịch sử, đây còn là một đề tài mang tính liên ngành cao. Yếu tố lịch sử là chủ đạo tuy nhiên không thể không có các ngành nghiên cứu khác.

Phương pháp thống kê là một trong những phương liên ngành được sử dụng khi thu thập đầy đủ cơ sở dữ liệu. Tổng hợp các số liệu từ các tư liệu gốc, tư liệu thứ cấp hoặc chính những thông tin từ việc phỏng vấn trực tiếp hoặc quan sát trực tiếp.

6. Đóng góp của luận án

- Luận án góp phần đưa cái nhìn toàn diện, đầy đủ về sự ra đời và biến đổi các khu tập thể ở Hà Nội từ năm 1954 đến năm 2000 trên các phương diện quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, kiến trúc và cấu trúc khu ở, sở hữu và công năng sử dụng.

- Luận án đã chỉ ra một số thành tựu và hạn chế của mô hình nhà ở này trong giai đoạn lịch sử nhất định, đồng thời cho thấy tác động của chính sách trong mỗi giai đoạn đến đời sống cư dân các khu tập thể.

- Luận án phân tích làm rõ giá trị về lịch sử, văn hóa- xã hội của các khu tập thể từ đó cung cấp luận cứ khoa học cho việc bảo tồn và xây dựng lại các khu nhà ở này trong bối cảnh hiện đại hóa và đô thị hóa hiện nay.

- Luận án góp phần bổ sung và làm phong phú thêm nguồn tư liệu về nghiên cứu lịch sử đô thị ở Hà Nội.

7. Cấu trúc luận án

Bên cạnh phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, Luận án được trình bày theo bố cục 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu và liên quan đến luận án

Chương 2: Quá trình hình thành và phát triển các khu tập thể ở Hà Nội từ năm 1954 đến 1985

Chương 3: Quá trình biến đổi các khu tập thể ở Hà Nội từ năm 1986 đến năm 2000

Chương 4: Đặc điểm về văn hóa - xã hội và giá trị lịch sử của các khu tập thể ở Hà Nội (1954 - 2000)

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Nghiên cứu về vấn đề nhà ở nói chung

Nhà ở là một chủ đề có thể khai thác từ nhiều khía cạnh khác nhau, mà ở đó, mỗi góc nhìn sẽ cho ra một khái niệm, một quan điểm về vấn đề này. Trong từ điển tiếng Anh, từ “nhà ở” được định dạng dưới cả thể danh từ và động từ. Có thể nhìn nhận “nhà ở” là một đối tượng hàng hóa, vật chất có thể được sản xuất, phá bỏ, sử dụng, nhận thức, trải nghiệm, liên quan đến các vấn đề mua và bán...

Nghiên cứu về nhà ở cho thấy một sự đa dạng về cách tiếp cận, đồng thời thể hiện các nhân tố ảnh hưởng, tác động qua lại như yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý... Đây là nghiên cứu liên ngành, đa ngành.

Nhiều nước trên thế giới đều sử dụng phổ biến các phương pháp nghiên cứu điều tra xã hội học để quản lý xã hội, quản lý đô thị, góp phần giải quyết các vấn đề về xây dựng nhà ở. Các ngành nghiên cứu chuyên môn hóa cao, đi sâu vào các lĩnh vực cụ thể được ra đời như xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn,... đều nghiên cứu về vấn đề ở. Bên cạnh đó, lý luận xã hội học đại cương và chuyên biệt có vai trò quyết định đối với nghiên cứu xã hội học về ở qua hệ thống cơ sở lý luận, phân tích vấn đề, xây dựng bộ khung lý luận và khái niệm; từ đó lập các giả thuyết và có tính liên kết với các kết quả thực nghiệm thu thập được, khái quát thành những kết luận khoa học về vấn đề nhà ở.

1.2. Tình hình nghiên cứu nhà tập thể ở Việt Nam

Quá trình tái định hình, tái phát triển, quy hoạch của nhiều đô thị ở châu Á trong giai đoạn cuối của thế kỉ XX là đề tài thu hút được nhiều nghiên cứu tập trung và trong đó Việt Nam là một phần không thể tách rời. Những nghiên cứu này đều khái quát được các thông tin cơ bản về khu tập thể ở Hà Nội, đặc biệt là giai đoạn từ sau Đổi mới 1986 với vô vàn những thay đổi và tác động đến vấn đề nhà ở nói chung với nhà tập

thể là một bộ phận. Một số nhà nghiên cứu nổi bật như William S. Logan, Shin Yong Hak, Hans Schenk, Geertman, Christina Schwenkel ...

Nhìn chung, các nghiên cứu đều đã đi vào những khía cạnh cụ thể của vấn đề ở, quy hoạch thành phố và nhà tập thể là một bộ phận cấu thành trong tổng thể chung. Các nghiên cứu của Việt Nam hoặc các học giả người nước ngoài đều sử dụng các góc nhìn đa chiều, phong phú, khắc họa được bức tranh của nhà tập thể trong tiến trình lịch sử. Bên cạnh một số nghiên cứu, bài viết nêu trên có giá trị quan trọng và thể hiện được nhiều quan điểm liên quan trực tiếp tới vấn đề nghiên cứu của luận án, còn nhiều những tác giả, nhóm nghiên cứu khác của cả trong và ngoài nước được đăng tải trên các hệ thống tạp chí khoa học có uy tín.

1.3. Tình hình nghiên cứu nhà tập thể ở Hà Nội

Nghiên cứu nhà tập thể ở Hà Nội đa dạng từ hướng tiếp cận cũng như khía cạnh đánh giá và mối liên hệ tới các vấn đề nghiên cứu khác. Dựa trên những công trình nghiên cứu đi trước, có thể chia tổng quan nghiên cứu về vấn đề nhà tập thể tại Việt Nam thành 3 nhóm:

Nhóm 1: Nghiên cứu nhà tập thể dưới góc độ quy hoạch, xây dựng, kiến trúc

Nhóm 2: Nghiên cứu nhà tập thể dưới góc độ văn hóa, di sản văn hóa

Nhóm 3: Nghiên cứu nhà tập thể dưới góc độ nhân học, xã hội học

Tiểu kết chương 1:

Nghiên cứu về nhà tập thể nằm gói gọn trong nghiên cứu nhà ở nói riêng, nghiên cứu đô thị học, xã hội học nói chung. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể đặt những nghiên cứu liên quan đến các công trình đặc trưng của thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong một nhóm ngành nghiên cứu riêng của lịch sử. Từ những khái niệm và định nghĩa cơ bản của nhà tập thể, nghiên cứu sẽ giúp phân định rõ và hiểu rõ về đặc điểm, tính chất của loại hình nhà ở sử dụng trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những công trình khoa học liên quan đến đối tượng “nhà tập thể” chủ yếu được nhắc đến như một bộ phận, đóng vai trò nhất định trong

toàn bộ tiến trình biến đổi kinh tế - xã hội. Đa số các nghiên cứu đi sâu vào khía cạnh chính sách, thay đổi dưới tác động của chính sự biến đổi xã hội mà cụ thể hơn là các vấn đề kinh tế từ sau Đổi mới.

CHƯƠNG 2: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ BIẾN ĐỔI CÁC KHU TẬP THỂ Ở HÀ NỘI TỪ 1954 ĐẾN 1985

2.1. Bối cảnh lịch sử và những nhân tố tác động tới sự ra đời của các khu tập thể ở Hà Nội

2.1.1. Bối cảnh lịch sử

Hà Nội trước năm 1954 này vẫn nằm trong vùng tạm chiếm của người Pháp và được sử dụng như một trung tâm trong hệ thống chiếm đóng, đóng vai trò chiến lược và vô cùng quan trọng. Từ năm 1958, Hà Nội tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa. Chính vì thế, Hà Nội dần trở thành nơi thu hút nguồn lao động, tập trung người dân tứ phương về quy tụ tại đây.

Bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hà Nội được quy hoạch với vai trò không chỉ là một trung tâm văn hóa chính trị mà còn là một thành phố công nghiệp lớn. Ngày 12-9-1959, Bộ Chính trị đã họp đánh giá tình hình mọi mặt của Thủ đô, đề ra nhiệm vụ cải tạo và mở rộng thành phố Hà Nội, xác định quy mô và hướng phát triển của thành phố. Định hướng phát triển tập trung giai đoạn 1960 - 1975 vào thực hiện xây dựng một số cụm công nghiệp, các cơ quan, trường học, bệnh viện, giải quyết tập trung vào nhóm khu vực được coi là “xóm nghèo” như An Dương, Tương Mai, Phúc Tân để cải thiện môi trường sống cho nhân dân. Bên cạnh đó, một số khu công nghiệp mới được xây dựng như Thượng Đình, Minh Khai... đã tạo ra nguồn việc làm cho người lao động và tiền đề để xây dựng các khu tập thể phục vụ trực tiếp cho người làm việc tại các khu vực này. Đồng thời, Nhà nước và Thành phố đã khẳng định cần phải sớm có quy hoạch chung Thủ đô để định hướng cho việc xây dựng và làm cơ sở phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.2. Chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề nhà ở

Chính sách về quy hoạch

Quy hoạch đô thị luôn được đặt làm vấn đề quan trọng hàng đầu đối với mỗi thành phố bởi những hệ quả liên quan trực tiếp tới các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị tới văn hóa, xã hội. Quy hoạch đô thị với vị trí nằm trong quy hoạch không gian phát triển đô thị, là nghệ thuật sắp xếp không gian đô thị, nghĩa là “*bố trí trật tự về không gian*” hay nói cách khác là “*để làm sao cho các chức năng và mối quan hệ giữa mọi người được thể hiện một cách thuận tiện nhất, kinh tế nhất và hài hòa với thiên nhiên và con người*”

Các kế hoạch 5 năm lần lượt được đưa ra vào thực hiện với mục đích định hướng, xây dựng và phát triển đất nước một cách cụ thể, rõ ràng trên mọi lĩnh vực. Thực hiện Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965, trên lĩnh vực chăm lo đời sống nhân dân, thành phố đã cho xây dựng thêm các khu nhà là các khu nhà cao tầng như Nguyễn Bình Khiêm, Trương Mai, An Dương, Quỳnh Lôi, Văn Chương... Kế hoạch xây dựng nhà ở trong 5 năm là 150.000m², sau 3 năm đã xây dựng được 99.700m², giải quyết được 1/6 nhu cầu nhà ở. Đây là một nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách “*xây dựng cơ bản*” trên toàn miền Bắc, tại đó, Hà Nội đã tiến hành chương trình xây dựng quy mô lớn, mở rộng không gian đô thị ra phía ngoài khu phố cổ. Chương trình này bắt đầu với việc xây dựng khu tập thể Kim Liên qua 2 giai đoạn: 1960-1965 và 1965-1970.

Trong thời gian từ 1960 đến 1975, Hà Nội bắt đầu các kế hoạch dài hạn đối với lĩnh vực nhà ở, công trình công cộng và công nghiệp. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu cho xây dựng nhà ở là của Nhà nước, năm cao nhất là 5.76% so với tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản (1961), năm thấp nhất là 0.26% (1968). Tính trung bình 4 năm, từ 1960 đến hết năm 1963, mỗi năm chỉ chiếm 4.38% (tài liệu niên giám năm 1976) [89, 70]. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu cho xây dựng nhà ở là Nhà nước, năm cao nhất là 5.76%¹ so với tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1961, năm thấp nhất là 0.26% (1968).

¹ Tài liệu niên giám năm 1976.

Trong 10 năm tiếp theo từ 1975 đến 1985, một Chương trình nhà ở quốc gia – chủ yếu dành cho các đô thị) đã được Bộ Xây dựng phối hợp với các Viện nghiên cứu triển khai trên cơ sở chính sách nhà ở và thực trạng điều kiện nhà ở các đô thị Việt Nam. Bộ Xây dựng đã thực hiện chương trình nhà ở quốc gia với quy mô lớn, cung cấp khoảng 80.000 chỗ ở mỗi năm và đặt tại các khu tập thể ở Hà Nội. Con số này sau giảm xuống còn 40.000 vào năm 1986.

Chính sách về phân bố nhà ở

Trong giai đoạn phát triển nhà tập thể, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách về nhà ở, trong đó có một chương trình nhà ở quốc gia nhằm mục tiêu xây dựng và cung cấp nhà ở cho những người làm việc trong khu vực kinh tế Nhà nước ở các đô thị. Nhiều cơ quan, xí nghiệp Nhà nước trước khó khăn về sắp xếp nơi ăn chốn ở cho công nhân và phụ thuộc vào khả năng tài chính của mỗi đơn vị đã có đề xuất riêng những chương trình nhà ở phù hợp. Việc xây dựng các khu nhà ở thường được đưa vào các Kế hoạch Nhà nước (5 năm hoặc hàng năm).

2.1.3. Viện trợ nước ngoài cho Việt Nam trong vấn đề nhà ở

Nhu cầu về nhà ở cũng tăng lên nhanh chóng và trở thành một vấn đề mà thành phố phải đương đầu và giải quyết cấp bách. Mô hình tiểu khu nhà ở với các khu tập thể hoàn toàn là một giải pháp phù hợp và tối ưu, kịp thời. Tại đây, để xử lý các vấn đề đó, công tác quy hoạch xây dựng tại thành phố lớn ở miền Bắc được triển khai cùng với sự giúp đỡ, tư vấn bởi chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa tham gia như các chuyên gia Liên Xô. Nhiều kế hoạch lớn về quy hoạch lại đô thị được thiết kế và đưa vào áp dụng.

2.2. Quá trình hình thành và biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội từ 1954 đến 1985

2.1.1. Quá trình hình thành các khu tập thể ở Hà Nội

Từ năm 1956 đến năm 1960, thành phố phát triển phía hữu ngạn sông Hồng, đưa các vùng Vĩnh Tuy, Minh Khai, Xuân La, Xuân Đình, Cổ Nhuế, Nghĩa Đô và khu vực phát triển đô thị. Trong giai đoạn từ 1960

đến 1975, theo quy hoạch, Hà Nội sẽ gồm 4 quận nội thành và 4 huyện ngoại thành cùng 9 cụm khu công nghiệp. Hướng phát triển chính của thành phố chủ yếu tập trung ở phía nam sông Hồng và một phần phía Bắc (Gia Lâm, Đông Anh). Cũng trong giai đoạn này, Hà Nội bắt đầu bước vào xây dựng và phát triển theo kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, cụ thể, trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, nhiều khu nhà kiểu mới bắt đầu được xây dựng như khu Nguyễn Công Trứ, Văn Chương... Các mô hình khu tập thể ra đời và có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện đặc thù về kinh tế, phong tục tập quán và lối sống của người Việt Nam. Với ý niệm xây dựng một thành phố xã hội chủ nghĩa và khẩn trương trong công cuộc tái thiết thành phố đã tạo điều kiện thuận lợi cho chính sách mới về nhà ở được ra đời.

Một vấn đề tồn tại đó là các khu tập thể được xây dựng trong thời gian đầu gặp nhiều vấn đề do thiếu kinh nghiệm về quy hoạch và quản lý đô thị. Lúc này, nhà nước mới chỉ chú ý đến việc xây dựng số lượng nhà ở để đáp ứng nhu cầu đang cần thiết nhưng chưa thực sự đầu tư vào quy hoạch không gian đô thị một cách tổng thể. Các cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư chuẩn chỉnh từ hệ thống thoát nước, cống ngầm, hệ thống điện, hệ thống giao thông, môi trường, cảnh quan... Bên cạnh đó, chưa có tính toán dài hạn cho các khu nhà dẫn đến càng về sau này, càng nhiều vấn đề xuất hiện lộ rõ, đưa ra nhiều bài toán nan giải cần phải giải quyết. Đặc biệt, trong giai đoạn này, việc xây dựng nhà ở nói chung được tập trung hướng tới đối tượng là công nhân viên chức nhà nước hơn là các tầng lớp khác trong xã hội, dù cùng sống tại đô thị.

Giai đoạn 1981 – 1986 là giai đoạn tiếp tục phát triển các khu nhà tập thể giai đoạn trước, thiết kế tiểu khu theo bố cục kiểu đô thị nhà ở với nhiều ưu điểm về chức năng sử dụng, đáp ứng các yêu cầu cơ bản như yên tĩnh, độc lập, khép kín.

2.2.2. Quá trình biến đổi và sự phát triển của các khu tập thể ở Hà Nội từ 1954 – 1985

2.2.2.1 Khía cạnh quy hoạch

Các khu tập thể trong giai đoạn đầu tiên được chủ yếu xây dựng ở các khu vực phía Đông của thành phố, gần với phía sông Hồng tức là gần ngoài rìa khu vực nội đô như một vài khu nhà ở một tầng như An Dương, Phúc Xá, Mai Hương, Đại La... được xây dựng để giải quyết tình trạng thiếu nhà ở với cấu trúc đơn giản, không gian căn hộ không khép kín và có sử dụng phong cách kiến trúc địa phương. Về vị trí quy hoạch các khu tập thể, trong giai đoạn này, chủ yếu các khu nhà tập trung ở phần rìa thành phố (vành đai 1 và vành đai 2) trên các khu đất không sản xuất ở các huyện nông thôn.

Về tổng thể đối với các các khu tập thể trong những năm 60 của thế kỷ XX cho thấy sự khác biệt trong việc mang vào thực tế từ những ý tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa. Hoàn toàn tất các các khu tập thể được xây dựng trên mặt quy hoạch không có tính kế thừa từ các công trình tồn tại từ giai đoạn trước. Các khu tập thể được đẩy ra rìa thành phố, xây dựng ở những khu hoàn toàn mới và đặt nền móng từ đầu.

Từ sau năm 1980, các khu tập thể với quy mô lớn cả về diện tích tiểu khu cũng như chất liệu, vật liệu xây dựng như Tiểu khu Bách Khoa, Tiểu khu Thanh Xuân Bắc... đã được chính quyền thành phố tính đến xây dựng tách biệt với các khu giáp ranh ngoại thành nhằm để đảm bảo quỹ đất đủ rộng cho xây dựng, kết hợp linh hoạt giữa không gian sinh hoạt chung và không gian ở riêng tư.

Đến trước giai đoạn Đổi mới năm 1986, các khu nhà tập thể là trung tâm tập trung quan trọng của thành phố. Từ các khu nhà, các khu vực lân cận phát triển rộng ra, mật độ dân cư dày hơn qua từng năm.

2.2.2.2. Khía cạnh kiến trúc

Mô hình triển khai về nhà tập thể trong giai đoạn này có thể coi như là một giai đoạn thử nghiệm với loại hình nhà ở mới, đối phó trước mắt với vấn đề giải quyết nơi ở cho người dân ở Hà Nội. Về đại thể cấu trúc được thiết kế sẽ bao gồm nhiều căn hộ cùng một tầng và cả một dãy nhà sẽ có tầm 1-2 tầng. Do hạn chế về kiến trúc, về vật liệu thi công và chi phí xây dựng nên đa phần các nhà tập thể khá đơn giản, thấp tầng, xây

dựng không chú trọng hình thức mà chủ yếu tập trung về chức năng cung cấp nơi ở cho người dân. Các căn hộ được xếp cạnh nhau, khu phụ bao gồm bếp và vệ sinh được sử dụng chung trong cùng một tầng. Trong giai đoạn đầu, khu tập thể như vậy được xây dựng bằng gỗ, về sau được nâng cấp hơn xây bằng gạch. Có thể nhắc đến một số khu tập thể trong giai đoạn này như khu Hàm Tử Quan, khu Quỳnh Mai, khu Mai Động hay một số khu như tập thể bờ sông, An Dương, Phúc Xá, Tương Mai, Mai Hương, Đại La...

Khu tập thể đầu tiên được xây dựng ở Hà Nội là dự án nhà ở tập thể tại Lương Yên với 62 căn hộ dành cho đối tượng công nhân. Các dãy nhà được bố trí thành 12 dãy nằm vuông góc với trục đường thành từng cặp, mỗi dãy có 5-6 căn hộ kiểu một tầng, khu phụ dùng chung và nằm tách biệt. Những căn hộ được xây dựng thô sơ với các vật liệu đơn giản như gạch, vách đất, mái tranh.

Năm 1969, tiêu chuẩn thiết kế được ban hành với quy định hai căn hộ nhỏ chung nhau một khu phụ. Khu tập thể Trương Định, Yên Lãng là những khu tập thể lắp ghép thí điểm 2 tầng đầu tiên của Hà Nội, được xây dựng những năm 1971-1972. Trước đó, khu tập thể Văn Chương được xây dựng vào năm 1963 với bố cục gồm các nhóm nhà hai tầng mái ngói, mỗi nhà có khu phụ tập trung một bên vào phía giữa. Mẫu nhà ở tám lớn đầu tiên được thiết kế thành đơn nguyên 6-8 căn hộ một tầng, chủ yếu là loại 2 phòng với diện tích lần lượt 24-28 m²/phòng. Đây đều là các căn hộ khép kín, khu phụ độc lập, hành lang bên và cầu thang có đường dắt xe.

Ở Việt Nam, từ những năm 60 của thế kỉ XX, nhà chung cư thấp tầng hay còn gọi là khu tập thể (phổ biến là 3-5 tầng) bắt đầu trở nên phổ biến. Đây là loại hình nhà ở có giá thành trung bình, không có yêu cầu cao về mặt kỹ thuật xây dựng, có thể tiêu chuẩn hóa xây dựng theo các modul cấu kiện lắp ghép từ các khối panel bê tông cốt thép đúc sẵn. Giai đoạn từ năm 1966 đến năm 1975, nhằm tăng nhanh số lượng nhà ở được xây dựng, Bộ Kiến trúc đã nhập công nghệ lắp ghép tám lớn từ Liên Xô. Một

loạt các nhà máy sản xuất bê tông tấm lớn ra đời như Xuân Mai, Chèm, Đạo Tú... Hà Nội đề xuất mẫu nhà lắp ghép tấm lớn theo kiểu hành lang bên với những căn hộ 2 phòng 24m² và 28m² có khu phụ khép kín. Kiểu nhà này được thành phố triển khai hàng loạt tại Trung Tự, Khương Thượng, Giảng Võ, Vĩnh Hồ, Thành Công...

Tiểu kết chương 2:

Về mặt địa giới hành chính, Hà Nội đã có những sự thay đổi qua thời gian, trong mỗi giai đoạn các khu nhà tập thể đều được chú trọng đặt nằm ở các vùng bên ngoài Hà Nội với mục đích giãn dân và để dành khu trung tâm cho các cơ quan Nhà nước. Việc xây dựng vẫn luôn được bám sát theo quy hoạch và có tính toán một cách cẩn thận, nhằm đảm bảo cho việc sắp xếp các vùng dân cư một cách phù hợp nhất. Trên phương diện kiến trúc, cấu trúc, xây dựng khu ở, mỗi giai đoạn đều có những đặc điểm riêng cụ thể như từ một vài nhóm nhà đơn lẻ cho tới các khu nhà hoàn chỉnh với đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng, công trình công cộng. Trên phương diện sở hữu nhà ở và công năng sử dụng, dưới tác động của chính sách Đổi mới năm 1986 với sự phát triển nhanh của cơ chế thị trường, các vấn đề liên quan đến nhà tập thể có những sự thay đổi nhất định. Việc sở hữu nhà ở trong giai đoạn bao cấp từ chỗ được nhà nước cung cấp gần như hoàn toàn được thay đổi mạnh trong giai đoạn các văn bản pháp luật liên quan như luật đất đai, luật sở hữu nhà đất...

CHƯƠNG 3: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ BIẾN ĐỔI CÁC KHU TẬP THỂ Ở HÀ NỘI TỪ 1986 ĐẾN 2000

3.1. Bối cảnh lịch sử và những nhân tố tác động tới sự biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội

3.1.1. Bối cảnh lịch sử

Năm 1986, trong bối cảnh thế giới có những biến đổi sâu sắc, Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định đổi mới toàn diện, theo đó phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối đổi mới được đề ra tại Đại hội VI là kết quả tổng kết từ những tìm tòi sáng tạo của cán bộ, nhân dân ở địa phương và cơ sở; thể hiện bản lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tư duy đổi mới của Đảng được xác định và thông qua tại Đại hội VI có ý nghĩa định hướng cho quá trình thực hiện đổi mới ở Việt Nam sau năm 1986. Đường lối đổi mới của Đảng không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả với hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, trước sự gia tăng nhanh về dân số dẫn đến tình trạng thiếu quỹ nhà càng trở nên trầm trọng, trở thành mối nguy hại trực tiếp tới sự ổn định của cả một hệ thống, chế độ vốn đã đang gặp khó khăn và khủng hoảng về kinh tế nặng nề.

3.1.2. Những nhân tố tác động tới sự biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội

3.1.2.1. Chính sách của Đảng và Nhà nước

Chính sách về quy hoạch

Ngay sau Kế hoạch 5 năm 1976-1980, Kế hoạch 5 năm 1981-1985, bắt đầu từ Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 (Khóa IV), tháng 08/1979 đã đưa ra những điều chỉnh để có được những sự thay đổi về sau đối với đất nước nói chung. Với chính sách Đổi mới, lĩnh vực nhà ở đô thị được đặt dưới sự tác động trong thay đổi về chính

sách, đặc biệt phản ánh rõ qua việc tái cấu trúc lại vốn đầu tư xây dựng nhà ở.

Chính sách về phân bố, sở hữu nhà ở

Nhà nước thực hiện chính sách về phân phối nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức làm trong cơ quan Nhà nước. Theo đó, chế độ phân nhà sẽ dựa trên đối tượng và số người trong mỗi hộ gia đình. Về nguyên tắc, mỗi người chỉ được phân phối duy nhất một chỗ ở. Người được phân phối nhà ở phải là những người chưa có nhà hoặc đang ở trong điều kiện chật chội, tồi tàn, kém an toàn, ưu tiên bố trí nhà ở cho người có công với Cách mạng.. cho tới trước năm 1992 với sự ra đời của Pháp lệnh về nhà ở đã xóa bỏ chính sách bao cấp về nhà ở nhằm đảm bảo cho sự công bằng.

3.2. Quá trình phát triển và biến đổi của các khu tập thể ở Hà Nội từ 1986-2000

3.2.1. *Khía cạnh quy hoạch*

Vào những năm 80 của thế kỉ XX, các nhà quy hoạch, quản lý về nhà ở cho thành phố đã tiến hành phát triển tập trung vào các khu tập thể về số lượng, cụ thể mở rộng hơn về quy mô 25-50ha từ sau năm 1980. Trong giai đoạn này bao gồm cả việc xây mới các khu tập thể tại các vùng đất mới và đồng thời xây thêm các dãy nhà, khu nhà trong các tiểu khu đã tồn tại trước đó.

3.2.2. *Khía cạnh kiến trúc*

Từ sau những năm 80, Hà Nội bắt đầu xây dựng các loại hình nhà ở đơn nguyên (như ở khu Thành Công, Nghĩa Đô, Thanh Xuân hoặc một vài dãy nhà đơn lẻ trong các khu tập thể được xây dựng ở giai đoạn trước đó).

Loại hình nhà ở chia lô (liền kề) thấp tầng được áp dụng trong suốt tính từ năm 1986 đến giai đoạn sau này và tạo nên nhiều vấn đề như mật độ xây dựng cao vượt quá tiêu chuẩn cho phép; các công trình công cộng bị cắt giảm quỹ đất hoặc thậm chí biến mất, diện tích không gian xanh cũng bị suy giảm và cắt lược cùng với không gian sinh hoạt chung của cư dân.

Tiểu kết chương 3:

Giai đoạn từ sau năm 1986 là giai đoạn đặc biệt với nhiều sự thay đổi trong quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế bao cấp sang cơ chế kinh tế thị trường. Từ những sự thay đổi về chính sách xã hội dẫn tới sự thay đổi về mặt nhận thức, tư duy của con người, ảnh hưởng và tác động trực tiếp tới diện mạo và tính chất của các khu tập thể.

Những nhân tố chính tác động tới sự biến đổi bao gồm chính sách đi kèm với công cuộc Đổi mới đất nước sau năm 1986, đưa ra các tác động về mặt xây dựng, kiến trúc, quy hoạch đối với hệ thống nhà ở nói chung và các khu tập thể nói riêng. Ngoài ra, các cơ chế phân phối nhà và yêu cầu về mặt kỹ thuật tạo ra những yếu tố buộc cư dân phải thích ứng. Sự thiếu thốn về mặt không gian cũng như thay đổi xã hội khiến cho cư dân sinh sống tại các tiểu khu nhà ở phải tự đưa ra những quyết định mang tính cá nhân, đôi khi chưa đảm bảo theo pháp luật và tình trạng này diễn ra kéo dài khiến cho các cấp quản lý khó khăn trong việc xử lý cũng như điều chỉnh.

CHƯƠNG 4: ĐẶC ĐIỂM VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI VÀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA CÁC KHU TẬP THỂ Ở HÀ NỘI (1954-2000)

4.1. Yếu tố nông thôn – cộng đồng làng xã trong lối sống đô thị tại các khu tập thể

Ở Hà Nội nói chung và tại các khu tập thể nói riêng, lối sống đô thị được hình thành nếu dựa trên lý thuyết sẽ có một số đặc điểm chung so với các thành phố được coi là đô thị ở trên thế giới, phân biệt hoàn toàn khác so với những vùng được coi là nông thôn. Tuy nhiên, yếu tố con người ở đây lại là thứ quyết định then chốt. Một hiện tượng được xem là “lạ” đối với cuộc sống ở những khu tập thể đó chính là hiện tượng nông thôn hóa đô thị. Bình thường, theo lẽ dĩ nhiên, theo quy luật phát triển, khi các đô thị phát triển, làn sóng đô thị hóa sẽ lan rộng theo phạm vi và ảnh hưởng đến các vùng lân cận, dần dần các vùng quê, nông thôn cũng chịu ảnh hưởng và bị biến đổi để trở thành các khu đô thị mới, hiện đại, hòa với nhịp sống chung của các thành phố lớn. Tuy nhiên ở đây lại xuất hiện hiện tượng đó với lí do liên quan trực tiếp đến thu nhập, điều kiện kinh tế của con người.

Mô hình tiêu khu nhà ở chứa đựng 2 yếu tố của văn hóa làng xã, nông thôn, tiểu nông bao gồm: tính cộng đồng và tính tự cung tự cấp.

4.2. Sự thay đổi trong đời sống sinh hoạt của cư dân tại các khu tập thể

Nhà tập thể là một mong ước lớn lao đối với phần lớn những người sinh sống tại thời điểm đó. Đặc biệt hơn, một số khu tập thể còn được coi như một khu cao cấp vì chỉ có những đối tượng nhất định mới được phân bổ căn hộ tại đây. Trong quá trình sinh sống, vượt qua những năm tháng khó khăn về kinh tế với nỗi lo cơm áo gạo tiền, đời sống được cải thiện dần dần. Bên cạnh đó, mỗi gia đình đã có thêm các thế hệ chung sống sau nhiều năm dẫn đến không gian ở bị thu hẹp nhưng lại không có biện pháp để cải thiện. Ngoài ra, con người cũng đã chú ý hơn tới thẩm mỹ căn nhà, họ muốn căn nhà trở nên khang trang hơn. Từ hai yếu tố đó dẫn đến những

tác động trực tiếp vào kết cấu của các nhà tập thể, tạo ra một diện mạo tồn tại cho đến ngày nay. Sau sự thay đổi về tư duy mang tính thị trường, mở rộng hơn trong kinh tế, bước đầu đưa ra những thay đổi, các khu tập thể với hạt nhân là cư dân sinh sống ở nơi đây cũng có những biến chuyển. Đây là giai đoạn đầu của quá trình tự do hóa kinh tế, thể hiện tư tưởng đổi mới mà nhà nước hướng tới đem lại lợi ích cho nhân dân. Trong thời gian thay đổi này, lối sống xã hội chủ nghĩa dần bị phai nhạt, tính cá nhân hóa được đề cao, sự riêng tư được chú trọng, tính tập thể suy giảm. Chính điều này cũng khiến cho các nhà tập thể giai đoạn từ sau những năm 80 có dạng thiết kế khác biệt hơn, riêng tư hơn.

4.3. Giá trị của các khu tập thể ở Hà Nội

4.3.1. Nhà tập thể với các vấn đề xã hội

Nhà tập thể với vai trò cung cấp nhà ở cho nhân dân là công trình tiêu biểu phục vụ cho lĩnh vực an sinh xã hội, nâng cao đời sống, phục vụ lợi ích cho con người. Với sự xuất hiện của các nhà tập thể, đời sống của nhân dân lao động được chăm lo về mặt vật chất và cao hơn là tinh thần, tạo điều kiện cho con người có niềm tin và cuộc sống và tích cực lao động. Đây chính là sản phẩm được tạo ra để giải quyết bài toán về xây dựng một xã hội đáp ứng đại bộ phận văn hóa quần chúng, đáp ứng nhu cầu nhà ở hàng ngày, tạo cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu để phát triển xã hội nói chung. Nhà ở, không gian ở, không gian sản xuất, không gian dịch vụ công cộng có quan hệ chặt chẽ và chịu sự ảnh hưởng của lối sống, vì đó là môi trường con người tiến hành các hoạt động lao động sản xuất, phục vụ sinh hoạt, giao tiếp để thỏa mãn các nhu cầu về vật chất và tinh thần.

4.3.2. Nhà tập thể với giá trị lịch sử

Các khu tập thể tại Hà Nội có giá trị nhất định trên phương diện vị trí và quy hoạch kiến trúc của Hà Nội, được gói gọn trong tiến trình phát triển của lịch sử thành phố. Các khu tập thể chính là những chứng tích lịch sử cho một giai đoạn phát triển mới của kiến trúc Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung. Nhà tập thể nói riêng và các tiểu khu nhà ở nói

chung là một mảnh ghép kiến trúc mang nhiều nét đặc trưng của cả một giai đoạn dài (1954-1975) và kéo dài cả về những năm sau đó. Cho đến bây giờ, mặc dù vai trò đã bị mờ nhạt nhưng vẫn có một vị trí trong lòng Hà Nội. Kiến trúc nhà tập thể đã phản ánh rất sát điều kiện kinh tế xã hội mỗi thời kỳ.

4.3.3. Nhà tập thể với giá trị văn hóa

Các khu tập thể đã giúp hình thành lối sống đô thị, có những đặc điểm hoàn toàn khác biệt so với thời kì trước đó. Hơn nữa, với sự tiến bộ trong tư tưởng, lối sống đô thị này được hiện đại hơn, có tính cộng đồng hơn, thắt chặt quan hệ giữa con người với con người, góp phần tạo dựng cuộc sống văn hóa mới, văn hóa xã hội chủ nghĩa, văn hóa tập thể.

Tiểu kết chương 4:

Văn hóa làng xã luôn là một đặc tính cốt lõi của văn hóa Việt Nam. Các khu nhà tập thể là khu vực lý tưởng để hình thành các lối sống mới, lối sống đô thị nhưng con người ở nơi đây đã đem thêm những thói quen, tập quán cũ dẫn đến hiện tượng pha trộn các luồng văn hóa khác nhau. Tuy nhiên, sự tồn tại đồng thời, xen lẫn lại tạo ra một nét riêng cho các khu tập thể khi ở đó tình cảm láng giềng, sự chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ lẫn nhau vẫn có và kết hợp với lối sống đô thị văn minh, hiện đại.

Nhìn chung, các khu tập thể đã có những đóng góp quan trọng trong lịch sử phát triển của Hà Nội nói riêng. Nhìn trên khía cạnh lịch sử, văn hóa và xã hội đều thấy được những thành tựu và vị trí của các công trình xã hội chủ nghĩa này. Là một phần của lịch sử, chứng nhân của cả một thời kì, chứa đựng nhiều kí ức, kỉ niệm của một thế hệ sinh sống tại Hà Nội, khu tập thể còn là những giải pháp đắc lực trong việc đương đầu với các vấn đề về thiếu quỹ nhà ở trong các giai đoạn khác nhau; đồng thời là một phương thức trực tiếp tạo nên nếp sống mới, nét văn hóa mới cho Hà Nội.

KẾT LUẬN

Từ mô hình *Đơn vị lán giềng* tới *Tiểu khu nhà ở* và sau đó được áp dụng tại Việt Nam, mặc dù có những sự điều chỉnh nhất định riêng nhưng nhìn tổng thể vẫn cho thấy tầm nhìn của người thiết kế và ý đồ cũng như mong muốn xã hội chứa đựng ẩn sâu.

Nhà tập thể là cụm từ để đại diện cho những mô hình nhà ở được xây dựng từ những năm 1960 đến 1990 do Nhà nước xây dựng và thực hiện chế độ phân phối cho người dân. Đây là một dạng mô hình cư trú ưu việt và mang đậm tính chất xã hội chủ nghĩa.

Đối với Việt Nam nói riêng, mô hình tiểu khu nhà ở với các nhà tập thể là một xu thế phát triển trong những năm 60 đến 80. Đây được xem là mô hình kiểu mẫu, lý tưởng và bước thay đổi không chỉ trong lịch sử ngành kiến trúc mà lịch sử xã hội phát triển nói chung. Nó đại diện cho cả một thế hệ con người mang đúng bản chất xã hội chủ nghĩa, gắn liền chặt chẽ với bối cảnh lịch sử của đất nước. Mô hình như vậy hoàn toàn phù hợp với văn hóa, con người Việt Nam và rất hiệu quả nếu nhìn tại hoàn cảnh lúc đó với các khó khăn về kinh tế, xã hội.

Các khu tập thể được xây dựng ở Hà Nội nói riêng cũng mang trong đó nhiều điểm riêng biệt, có biến hóa từ những mô hình gốc và thể hiện cái khác lạ. Những biến đổi của các khu tập thể cho thấy sức sống mạnh mẽ của nền văn minh nông nghiệp Việt Nam đã khéo léo xâm nhập một cách sâu sắc vào các đô thị và cập nhật cho các đô thị này văn hóa không gian và kỹ thuật có nguồn gốc bình dân.

Những biến đổi của các khu tập thể cho thấy sức sống mạnh mẽ của nền văn minh nông nghiệp Việt Nam đã khéo léo xâm nhập một cách sâu sắc vào các đô thị và cập nhật cho các đô thị này văn hóa không gian và kỹ thuật có nguồn gốc bình dân. Như vậy, Hà Nội, với những kinh nghiệm trong việc xây dựng và vận hành các khu tập thể - hiện thân của chủ nghĩa thực dụng và sự sáng tạo tùy theo hoàn cảnh, có phương pháp quy hoạch đô thị mang tính đối thoại. Đây là mối liên hệ giữa hai yếu tố: đầu tiên là

những kiến thức của các chuyên gia đô thị quan tâm đến các yếu tố địa lý và tập quán xã hội, thứ đến là sự tự do của những người sử dụng cuối cùng – những cư dân. Chúng tạo ra những đặc thù đô thị riêng biệt rất Hà Nội.

Đặc điểm quy hoạch, xây dựng nhà tập thể của chủ nghĩa xã hội Liên Xô đã được tiếp nhận và biến đổi sao cho phù hợp với hệ thống đô thị của Hà Nội. Các nhà tập thể đã phát triển nhanh chóng và trở thành mô hình đặc thù ở Việt Nam trong suốt một giai đoạn dài cho tới trước khi đổi mới nền kinh tế. Đặc thù đối với quy hoạch đô thị ở Hà Nội là sự đan xen giữa các chính sách khác nhau, sát nhập các loại hình nhà ở khác nhau, hỗn hợp yếu tố bên nước ngoài và yếu tố bản địa. Nhà tập thể không thể biến đổi nếu không có sự liên hệ chặt chẽ với các chính sách nhà ở cũng như mối quan hệ với quốc tế. Nhà tập thể chỉ là một bộ phận nhỏ trong cả tiến trình xây dựng đương thời nhưng là yếu tố quan trọng, đặc trưng bởi sự hợp nhất trong đa dạng các mô hình nhà tập thể xã hội chủ nghĩa.

Nhìn chung, việc hình thành các khu tập thể theo kiểu mô hình tiêu khu là xu thế của các quốc gia xã hội chủ nghĩa và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Mô hình này hoàn toàn phù hợp với xã hội bao cấp toàn bộ từ Nhà nước của Việt Nam khi mà ở đó nền kinh tế gần như xóa bỏ các yếu tố tư nhân, tiểu thương.. và hệ thống dịch vụ công cộng đều đặt dưới sự quản lý của nhà nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tat Thanh Duong (2022), “A Symbol of Socialist Society: The Collective Living Quarter in Hanoi 1954-2000”, *Journal of Mekong Societies* (Scopus-Q2), Vol.18, số 2, ISSN: 1686-6541 tr.46-75.
2. Duong Tat Thanh (2022), “The Characteristics of Vietnamese Colelctive Living Quarters – From the Foundational Concepts to Changes”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Vol.8, số 2, ISSN: 2354-1172, tr.158-175.
3. Duong Tat Thanh (2022), “The “Old” Collective Living Quarters in Hanoi from the perspective of History – Culture – Society”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “The first international conference on the issues of social sciences and humanities”*, ISBN: 978-604-9990-98-4, tr.417-435.
4. Duong Tat Thanh (2022), “Changes of Public Spaces at the Collective Living Quarters in Hanoi – Case study: Thanh Cong Quarter”, *Hội thảo quốc tế “Anthropology and Vietnamese Cities in the Context of Globalization”*.